

# NHỮNG CƠ HỘI VÀ KHÓ KHĂN KHI ÁP DỤNG IFRS CHO DNNVV - NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP ĐIỂN HÌNH TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH

Lê Thị Thanh Mỹ, Lê Thị Thanh Nhật

Trường Đại học Quy Nhơn

Ngày nhận bài: 16/9/2019

Ngày nhận bài sửa: 15/10/2019

Ngày chấp nhận đăng: 22/11/2019

*Tóm tắt: Bằng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp giữa định tính và định lượng, nhóm tác giả đã tiến hành đánh giá và phân tích thực trạng áp dụng chuẩn mực kế toán của SMEs Bình Định; khảo sát nhận thức về những cơ hội có được, những khó khăn sẽ xảy ra khi áp dụng IFRS for SMEs, làm cơ sở đưa ra lộ trình áp dụng IFRS for SMEs trong thời gian đến.*

*Từ khóa: IFRS, SMEs, IFRS for SMEs, hội tụ kế toán*

## THE APPLICATION OF IFRS FOR SMEs: THE OPPORTUNITIES AND DISADVANTAGES OF SMEs IN BINHDINH PROVINCE

*Abstract: By using both qualitative and quantitative research methodology, the authors have conducted an analysis of the current practices of applying IFRS in SMEs in BinhDinh province. This study targets to analyze potential opportunities and difficulties when applying IFRS for SMEs, then, make the recommendation for the plan to apply IFRS for SMEs in upcoming time.*

*Key words: IFRS, SMEs, IFRS for SMEs, accounting convergence.*

### 1. Đặt vấn đề

Tại Việt Nam, SMEs là thành phần kinh tế nhiều tiềm năng và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế của đất nước. Hơn nữa, SMEs Việt Nam cũng đã tăng cường tham gia vào các hoạt động quốc tế, cũng có nhu cầu cần thu hút vốn trong và ngoài nước để phát triển. Do vậy yêu cầu thông tin tài chính minh bạch càng trở nên cần thiết. Hiện nay các quốc gia như Lào, Campuchia, Myanmar có nền kinh tế kém phát triển hơn Việt Nam nhưng SMEs cũng đã áp dụng IFRS. Với bối cảnh hội nhập kinh tế đang diễn ra mạnh mẽ, hoạt động dịch chuyển lao động ở các nước trong khu vực diễn ra sôi động, nếu nguồn nhân lực kế toán của Việt Nam không sớm được đào tạo, không sớm áp dụng IFRS thì khó có thể cạnh tranh với các nước khác. Như vậy, tự mình đã hạn chế khả năng lao động và khả năng quản lý của chính mình. Do đó, trong điều kiện khách quan

tất yếu này bắt buộc SMEs Việt Nam phải hội nhập, phải áp dụng IFRS/IFRS for SMEs nhanh chóng, không thể kéo dài. Mặt khác, thời gian gần đây, một số quỹ đầu tư rất quan tâm đến các doanh nghiệp mới thành lập để đầu tư, do vậy minh bạch thông tin sẽ là việc rất cần thiết nếu muốn nhận vốn đầu tư từ các quỹ này.

### 2. IFRS for SMEs và tình hình áp dụng

#### 2.1. Khái quát về IFRS for SMEs

Nhận thức được tầm quan trọng của chuẩn mực BCTC cho SMEs, năm 2001, IASB bắt đầu triển hành dự án xây dựng chuẩn mực BCTC cho SMEs. Trải qua quá trình lấy ý kiến của các chuyên gia, đến tháng 7/2009, IASB đã chính thức ban hành IFRS for SMEs.

IFRS for SMEs là bộ chuẩn mực độc lập được xây dựng dựa trên "Khuôn mẫu lý thuyết cho việc lập và trình bày BCTC" của IFRS. IFRS for SMEs đơn giản hơn IFRS về nguyên

tắc ghi nhận, đo lường và cả yêu cầu công bố, đồng thời chú ý đến sự cân đối giữa chi phí và lợi ích khi áp dụng cho SMEs. Cụ thể:

- Các chuẩn mực không phù hợp với SMEs bị loại bỏ như thu nhập trên cổ phiếu, báo cáo bộ phận, BCTC giữa niên độ, hợp đồng bảo hiểm, tài sản nắm giữ cho việc bán.

- Giảm bớt các lựa chọn theo IFRS, chỉ sử dụng lựa chọn đơn giản nhất.

- Một số nguyên tắc ghi nhận, đánh giá tài sản, nợ phải trả, thu nhập, chi phí cũng như các chính sách kế toán đơn giản hơn quy định của IFRS.

- Các yêu cầu trình bày thông tin cũng đơn giản hơn.

Ngoài ra, SMEs áp dụng bộ chuẩn mực này phải đáp ứng một số tiêu chí sau:

- Không có trách nhiệm giải trình công khai;

- Phát hành BCTC theo mục đích chung cho đối tượng bên ngoài doanh nghiệp như chủ sở hữu không tham gia quản lý điều hành doanh nghiệp, chủ nợ hiện tại và tiềm năng, các tổ chức xếp hạng tín dụng.

Về mục tiêu của BCTC theo IFRS for SMEs, IASB xác định: Mục tiêu BCTC của SMEs là cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu sử dụng thông tin hữu ích để ra các quyết định kinh tế cho các đối tượng sử dụng thông tin mà không ở vị trí để có thể yêu cầu cung cấp các báo cáo đặc biệt theo nhu cầu của họ”.

Mục tiêu chung BCTC theo IFRS for SMEs là hướng đến mục tiêu thông tin hữu ích cho việc ra quyết định của các đối tượng bên ngoài và các đặc tính chất lượng của BCTC, để đảm bảo cho thông tin BCTC hữu ích đối với các đối tượng sử dụng thông tin hoàn toàn tương tự như IFRS [2], [3], [4].

## 2.2. Tình hình áp dụng IFRS for SMEs

- Trên thế giới:

Theo IASB, việc quyết định áp dụng IFRS for SMEs là tự nguyện, mặc dù vậy, IASB vẫn mong muốn bộ chuẩn mực này sẽ được chấp nhận rộng rãi trên toàn thế giới. Theo kết quả

thống kê của IASB đến tháng 3/2006, 80 quốc gia đã áp dụng IFRS for SMEs, 11 quốc gia đang cân nhắc lộ trình áp dụng trong tương lai.

+ Nhóm các quốc gia phát triển (Điển hình Anh, Úc, Mỹ): Đây là các quốc gia đã và đang xây dựng chuẩn mực BCTC riêng biệt cho SMEs. Cụ thể: tại Anh, Hội đồng BCTC Anh (FRC) đã xây dựng chuẩn mực BCTC riêng cho SMEs trên cơ sở điều chỉnh IFRS for SMEs về ghi nhận và đánh giá các giao dịch, các đối tượng kế toán. Đối tượng sử dụng chuẩn mực BCTC riêng biệt ở Anh được chia làm 3 cấp độ: công ty niêm yết, công ty không niêm yết có quy mô vừa và công ty có quy mô nhỏ. Tại Úc, hiện vẫn đang áp dụng mô hình tích hợp khi sử dụng chuẩn mực BCTC khác biệt và chưa áp dụng IFRS for SMEs cho các SMEs. Lý do là một số chính sách kế toán các doanh nghiệp Úc thích áp dụng đã không được quy định trong IFRS for SMEs, khó khăn trong việc áp dụng IFRS for SMEs đối với các công ty con nếu công ty mẹ áp dụng IFRS. Tại Mỹ, cho đến thời điểm hiện nay, Financial Accounting Standards Board (FASB) vẫn đang tìm kiếm các ý kiến tranh luận cho việc xây dựng khuôn khổ lý thuyết cho chuẩn mực BCTC phù hợp với các công ty có quy mô nhỏ. Hiện tại, Mỹ vẫn chưa có ý định gì trong việc áp dụng IFRS for SMEs mà đang trong giai đoạn tiến hành xây dựng chuẩn mực BCTC riêng cho các công ty có quy mô nhỏ của quốc gia mình

+ Nhóm các quốc gia đang phát triển (Điển hình Hồng Kong, Malaysia, Thái Lan, Philippines): Đây là các quốc gia có điều kiện kinh tế khá tương đồng với Việt Nam, đặc biệt áp dụng chuẩn mực BCTC khác biệt cũng như IFRS for SMEs từ rất sớm và lộ trình áp dụng IFRS for SMEs có sự thay đổi khá đa dạng. Tại Hồng Kong, cho đến thời điểm này đã có 3 khung lý thuyết chuẩn mực BCTC riêng biệt cho SMEs, trong đó khung lý thuyết dành cho các công ty chưa niêm yết được xây dựng hoàn toàn dựa trên IFRS for SMEs và có một ít sửa đổi cho phù hợp với Hồng Kong. Tại Malaysia, tháng 2/2014 đã ban hành chuẩn mực BCTC cho SMEs - được xây dựng dựa trên IFRS for SMEs. Tại Thái Lan, đối với bộ phận SMEs, họ cũng đang trong quá trình chấp nhận IFRS for SMEs mà không có bất kỳ sửa đổi nào (gọi

là IFRS for SMEs). Tương tự, ngày 1/1/2010, IFRS for SMEs cũng được chấp nhận toàn bộ ở Philippines (gọi là PFRS for SMEs). Đối tượng áp dụng PFRS for SMEs là các SMEs trong ngưỡng quy mô theo quy định và không phải là công ty niêm yết. Đối với SMEs dưới ngưỡng quy mô theo quy định được áp dụng theo quy định của thuế hoặc PFRS for SMEs.

Như vậy, xu thế chung của các quốc gia áp dụng IFRS for SMEs thường có 3 cách tiếp cận là: (1) áp dụng hoàn toàn IFRS for SMEs không điều chỉnh (Philippines, Thái Lan); (2) áp dụng IFRS for SMEs có một số điều chỉnh cho phù hợp (Anh, Hồng Kong, Malaysia) hoặc (3) không chấp nhận IFRS for SMEs và tự xây dựng chuẩn mực kế toán quốc gia riêng thích hợp cho SMEs như Mỹ, Úc. [1], [6].

*- Tại Việt Nam:*

Các chuyên gia đại diện cho cơ quan ban hành chuẩn mực, tổ chức nghề nghiệp và các giám đốc kiểm toán tại Việt Nam đều cho rằng chuẩn mực kế toán đóng vai trò quan trọng trong việc lập BCTC có chất lượng. SMEs Việt Nam nếu tuân thủ chuẩn mực kế toán sẽ cải thiện thông tin hữu ích của BCTC, đồng thời tạo sự yên tâm và tin tưởng cho các đối tượng sử dụng thông tin.

Cho đến nay, Bộ Tài chính đã ban hành 26 chuẩn mực kế toán và nhiều thông tư hướng dẫn để từng bước đưa kế toán Việt Nam hòa nhập với kế toán quốc tế. Với Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 về Chế độ kế toán áp dụng cho SMEs, thì 26 VAS áp dụng cho SMEs được chia thành 3 nhóm, nhóm các VAS áp dụng đầy đủ, áp dụng không đầy đủ và nhóm các

VAS không áp dụng đối với SMEs. Với Thông tư 133/2016/TT-BTC thì chỉ quy định các VAS mà SMEs không áp dụng, nhưng các hướng dẫn trong Thông tư cũng vẫn giới hạn một số nội dung các chuẩn mực không áp dụng đầy đủ cho SMEs như QĐ 48. Tuy nhiên, đối tượng sử dụng thông tin và nhu cầu thông tin kế toán đối với SMEs mang tính đặc thù không giống các doanh nghiệp niêm yết, doanh nghiệp có quy mô lớn. Do đó, áp dụng VAS với những quy định giảm trừ dẫn đến thông tin kế toán dàn trải, không đáp ứng tập trung nhu cầu thông tin cho nhóm đối tượng này [5], [6]. Một số VAS không áp dụng hoặc áp dụng không đầy đủ đã gây tình trạng thiếu quy định hướng dẫn để tham chiếu khi xử lý công việc kế toán nhưng mặt khác vẫn tồn tại một số nội dung không cần thiết. Mặt khác, với việc ban hành tiêu chí SMEs áp dụng chuẩn mực giảm trừ nhưng lại không bắt buộc đối với SMEs đáp ứng yêu cầu nên đa số SMEs không chọn và vẫn áp dụng bộ chuẩn mực đầy đủ cũng như ít quan tâm đến các quy định giảm trừ này. Với thực tế như vậy, mục tiêu ban hành các quy định để làm giảm rào cản khó khăn cho SMEs khi tuân thủ chuẩn mực kế toán đã không phát huy tác dụng như kỳ vọng. Ngoài ra, những VAS đầu tiên của Việt Nam được ban hành từ năm 2001 và mặc dù VAS được xây dựng trên cơ sở của IFRS nhưng đã lạc hậu do không được cập nhật, sửa đổi trong một thời gian dài nên không thể đảm bảo cung cấp thông tin có thể so sánh với các doanh nghiệp khác trên thế giới.

**3. Phương pháp thu thập và xử lý số liệu**

- Nghiên cứu định tính: Được thực hiện bằng phương pháp chuyên gia (đại diện cho cơ quan ban hành chuẩn mực kế toán, giám đốc kiểm

**Bảng 1: Kết quả khảo sát về đối tượng sử dụng thông tin BCTC**

Đối tượng sử dụng thông tin BCTC	Tỷ lệ % xác nhận có sử dụng thông tin BCTC
Cơ quan thuế	97,3%
Nhà quản lý của đơn vị	88,9%
Ngân hàng	62,4%
Nhà đầu tư	33,7%
Khác (Khách hàng, nhà cung cấp)	15,8%

(Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả)

toán, trưởng phòng tín dụng ngân hàng, các giảng viên có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu về VAS, IFRS, giám đốc, kế toán trưởng SMEs Bình Định) với mục đích để cung cấp thông tin tổng quan về tình hình áp dụng VAS của SMEs, sự phù hợp của IFRS for SMEs.

- Nghiên cứu định lượng: Sử dụng bảng câu hỏi khảo sát (với các đối tượng là giám đốc, kế toán trưởng, kế toán tổng hợp của SMEs Bình Định). Công cụ thu thập dữ liệu gồm phỏng vấn trực tiếp hoặc qua email. Sử dụng phân tích thống kê để xử lý dữ liệu, làm cơ sở đánh giá nhận thức về những thuận lợi, khó khăn, thách thức và chi phí khi áp dụng IFRS for SMEs ở Bình Định.

#### 4. Kết quả nghiên cứu

##### 4.1. Thực trạng áp dụng VAS của SMEs Bình Định

Để đánh giá thực trạng áp dụng VAS của các SMEs trên địa bàn tỉnh Bình Định, nhóm tác giả đã tiến hành phỏng vấn các nhà quản lý, kế toán trưởng của 138 SMEs với đủ loại quy mô, loại hình kinh doanh, sở hữu vốn. Ngoài ra, nhóm tác giả cũng tiến hành phỏng vấn các đối tượng sử dụng thông tin kế toán (các ngân hàng thương mại, cơ quan thuế). Nội dung phỏng vấn xoay quanh bốn chủ đề liên quan đến đối tượng sử dụng thông tin BCTC, mục đích sử dụng thông tin BCTC, mức độ tuân thủ chuẩn mực và chất lượng thông tin BCTC.

- *Đối tượng sử dụng thông tin BCTC*: Về nguyên tắc, BCTC được lập nhằm mục đích cung cấp thông tin hữu ích cho nhiều đối tượng sử dụng thông tin bên trong và bên ngoài doanh nghiệp như chủ sở hữu, nhà quản lý, nhà đầu tư, ngân hàng... Kết quả khảo sát cho thấy rằng đối tượng sử dụng thông tin BCTC của SMEs ở Bình Định nhiều nhất là cơ quan thuế (97,3%), tiếp đến là nhà quản lý của đơn vị (88,9%), ngân hàng (62,4%), nhà đầu tư (33,7%), thấp nhất là các đối tượng khác như khách hàng, nhà cung cấp... (15,8%).

- *Mục đích sử dụng thông tin BCTC*: Khác với sự kỳ vọng về mục đích sử dụng BCTC theo quy định của chuẩn mực kế toán, SMEs tham gia khảo sát đều xác nhận mục đích sử dụng BCTC chủ yếu để lập báo cáo thuế và đáp ứng yêu cầu quản lý từ các cơ quan nhà nước (gần 90%). Đối

với đối tượng sử dụng là ngân hàng, hầu như các ngân hàng không xem BCTC (đặc biệt là đối với các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, siêu nhỏ) là kênh thông tin quan trọng để ra quyết định cho vay đối với SMEs, mặc dù SMEs Bình Định là đối tượng vay vốn chiếm tỷ lệ cao trong các NHTM trên địa bàn. Thay vào đó, các ngân hàng thường căn cứ vào tài sản đảm bảo, phương án kinh doanh, tình trạng nợ của khách hàng để đưa ra quyết định cho vay. BCTC chẳng qua chỉ là giấy tờ bắt buộc phải có trong bộ hồ sơ vay, là cơ sở để phân tích, đánh giá tình hình tài chính, tình hình kinh doanh, khả năng trả nợ của doanh nghiệp, chứ BCTC không phải là nguồn thông tin quan trọng để đưa ra quyết định cho vay. Kết quả này cũng giống như nghiên cứu của Dang & ctg (2006) khi chứng minh rằng NHTM không dựa vào BCTC của SMEs vì chất lượng thấp mà chủ yếu việc vay được thực hiện thông qua mối quan hệ giữa chủ doanh nghiệp và ngân hàng. Việc BCTC ít được sử dụng và không hỗ trợ người sử dụng thông tin trong việc ra quyết định đã phản ánh phần nào thông tin BCTC của SMEs không hữu ích đối với các đối tượng sử dụng thông tin. Đối tượng sử dụng thông tin ít quan tâm cũng là một trong những nguyên nhân làm chất lượng BCTC thấp.

- *Mức độ tuân thủ chuẩn mực*: Kết quả kiểm định Chi-square (Chi-square = 26,334; df = 4; Sig. = 0,000) cho thấy có mối liên hệ giữa quy mô doanh nghiệp tại Bình Định với mức độ tuân thủ chuẩn mực. Đối với SMEs có quy mô lớn, có vốn đầu tư nước ngoài thì mức độ tuân thủ chuẩn mực cao hơn SMEs còn lại (67,7%). Các lý do được đưa ra khi lý giải mức độ tuân thủ là do kế toán ở các doanh nghiệp này thường có trình độ chuyên môn cao hơn (64,1%), am hiểu về chuẩn mực kế toán tốt hơn (57,4%) và sự quan tâm của nhà quản lý đối với tính minh bạch và trung thực của thông tin trên BCTC cũng nhiều hơn (53,3%). Đối với SMEs còn lại thì thừa nhận mức độ tuân thủ chuẩn mực không cao, lý do họ đưa ra là chuẩn mực kế toán phức tạp và nhà quản lý doanh nghiệp không nhận thấy lợi ích khi tuân thủ chuẩn mực kế toán (55,4%). Như vậy có thể thấy rằng việc SMEs ở Bình Định có tuân thủ chuẩn mực hay không xuất phát từ năng lực của người làm công tác kế toán và nhận thức của người quản lý. Một khi họ cho rằng việc lập BCTC không mang lại lợi ích gì cho doanh

**Bảng 2: Kết quả phân tích về nhận thức những thuận lợi khi áp dụng IFRS for SMEs**

Câu hỏi khảo sát	Mean	Phần trăm
Thông tin đáng tin cậy	4,08	85,7%
Niềm tin nhà đầu tư được nâng lên	4,06	83,2%
Có thể so sánh	3,68	75,5%
Thích hợp	3,80	78,2%
Phù hợp với thị trường quốc tế	4,06	83,2%
Nâng cao uy tín của DN	4,03	82,3%
Dễ tiếp cận nguồn tài chính bên ngoài	4,02	81,7%
Chất lượng hơn VAS	3,65	74,3%
Có thể hiểu được	3,40	66,5%

(Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả)

ngiệp, thì lúc ấy BCTC được lập ra mục đích chủ yếu để theo quy định của nhà nước, và do vậy vai trò của chuẩn mực kế toán sẽ trở nên vô nghĩa đối với SMEs. Kết quả này cũng phù hợp với nghiên cứu của Trần Đình Khôi Nguyên (2011) [7] khi cho rằng mức độ tuân thủ chuẩn mực kế toán của SMEs chịu ảnh hưởng bởi các nhân tố đó là chất lượng nguồn nhân lực kế toán, tài liệu hướng dẫn thực hành, tư vấn cộng đồng kế toán và nhận thức của người chủ doanh nghiệp.

- Chất lượng thông tin BCTC: Với mức độ tuân thủ chuẩn mực được đánh giá không cao và tuân thủ chuẩn mực thực chất mang tính hình thức, nhiều chuyên gia đồng thuận chất lượng thông tin BCTC của SMEs Bình Định không đáng tin cậy, thông tin BCTC không hữu ích cho việc ra quyết định, ngoại trừ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Chính điều này làm cho SMEs Bình Định (đặc biệt là SMEs nhỏ

và siêu nhỏ) gặp khó khăn khi tham gia vào thị trường quốc tế hay tiếp cận với nguồn vốn vay ngân hàng. Lý giải điều này, ngoài nhân tố sự phức tạp của chuẩn mực, sự quan tâm của nhà quản lý, các chuyên gia cho rằng thuế cũng là một trong những nhân tố ảnh hưởng, tác động đến việc lựa chọn các chính sách kế toán khi ghi nhận và trình bày thông tin BCTC của SMEs Bình Định, đặc biệt đối với các doanh nghiệp có quy mô nhỏ thì ảnh hưởng này càng mạnh mẽ. Hầu như các kế toán trưởng khi được phỏng vấn cũng xác định là họ không chọn các chính sách kế toán phức tạp mà thường chọn theo quy định của thuế để tránh khác biệt với thuế gây phiền hà, mất thời gian.

#### 4.2. Nhận thức về những cơ hội và khó khăn khi áp dụng IFRS for SMEs tại Bình Định

Với kết quả phân tích Cronbach's Alpha (Nhận thức về cơ hội: 0,862; khó khăn: 0,806)

**Bảng 3: Nhận thức về những khó khăn khi áp dụng IFRS for SMEs**

Câu hỏi khảo sát	Mean	Phần trăm
Trình độ của kế toán	3,79	65,7%
Nhận thức của nhà quản lý	3,73	63,2%
Tốn thời gian	3,59	58,9%
Không quen với các phương pháp đo lường của IFRS for SMEs	3,43	53,4%
Rào cản về ngôn ngữ	3,49	54,6%
Ảnh hưởng của thuế	3,67	58,3%
Tốn chi phí khi áp dụng IFRS for SMEs	3,89	69,8%

(Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả)

cho thấy thang đo có độ tin cậy tốt, các câu hỏi đưa ra để khảo sát về nhận thức là phù hợp với người được hỏi.

Nhận thức của những người trả lời về những cơ hội khi áp dụng IFRS for SMEs tại SMEs Bình Định, phần lớn (80%) đồng ý IFRS for SMEs có lợi thế cao hơn bao gồm cả độ tin cậy, thuận lợi cho các nhà đầu tư giữa các quốc gia, thuận lợi cho nhà quản lý trong việc tiếp cận với thị trường vốn toàn cầu, nâng cao uy tín của doanh nghiệp hơn so với áp dụng VAS hiện hành. Với kết quả này đã khẳng định giả thuyết H1 là đúng.

Bên cạnh đó, SMEs Bình Định cũng xác định khi áp dụng IFRS for SMEs sẽ gặp một số khó khăn, trở ngại, cụ thể là chi phí cho việc áp dụng (mean = 3,89), kế đến là trình độ của kế toán (mean = 3,79), nhận thức của nhà quản lý (mean = 3,73) và ảnh hưởng của thuế (mean = 3,61).

Kết quả này cũng phù hợp với nghiên cứu của Trần Việt Hùng (2014) [8], nghiên cứu cũng chỉ ra gánh nặng về chi phí nếu SMEs chuyển sang áp dụng IFRS for SMEs, cụ thể ông đã ước tính chi phí bỏ ra khi chuyển sang áp dụng IFRS for SMEs chiếm 8% doanh thu ròng hàng năm, nhiều hơn 2 lần lợi nhuận trước thuế/năm, bằng 17% tài sản dài hạn của doanh nghiệp. Như vậy giả thuyết H2 được chấp nhận.

#### 4.3. Kết quả khảo sát về hướng vận dụng IFRS for SMEs trong thời gian đến

Kết quả khảo sát ở bảng 4 cho thấy về hướng áp dụng IFRS for SMEs, 42% SMEs Bình Định

cho rằng nên dựa vào IFRS for SMEs để xây dựng chuẩn mực BCTC riêng phù hợp với điều kiện tại Việt Nam. Trong khi đó, chỉ có 21,2% doanh nghiệp (các doanh nghiệp FDI) lại tán thành việc áp dụng hoàn toàn IFRS for SMEs. Số còn lại tỏ ra khá phân vân trong việc có nên áp dụng IFRS for SMEs hay không. Điều này bắt nguồn từ việc SMEs Bình Định chưa biết hoặc mơ hồ về IFRS for SMEs.

#### 5. Kết luận

Mặc dù phạm vi nghiên cứu còn hạn chế chỉ tiến hành khảo sát trên địa bàn tỉnh Bình Định, tuy nhiên nghiên cứu này cũng đã xem xét những cơ hội và khó khăn khi thực hiện IFRS for SMEs tại Bình Định. Dù vậy, kết quả nghiên cứu cũng đã cho thấy tín hiệu lạc quan về tiềm năng của IFRS for SMEs tại Bình Định. Mặt khác, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra IFRS for SMEs trong tương lai gần sẽ thích hợp đối với doanh nghiệp chưa niêm yết có quy mô vừa và lớn, có các hoạt động kinh doanh quốc tế và mong muốn minh bạch thông tin BCTC hơn là các doanh nghiệp có quy mô nhỏ. Do vậy, theo nhóm tác giả việc áp dụng IFRS for SMEs nên được thực hiện ở các doanh nghiệp này trước, sau một thời gian, tổng kết và rút kinh nghiệm rồi mới áp dụng cho các doanh nghiệp có quy mô nhỏ. Nhóm tác giả cho rằng đây sẽ là hướng đi đúng đắn cho lộ trình áp dụng IFRS for SMEs trong thời gian đến./.

#### Tài liệu tham khảo

1. Hồ Xuân Thùy, 2016. Sự thích hợp của chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế cho doanh nghiệp nhỏ và vừa áp dụng tại Việt Nam, Luận án tiến sĩ kinh tế.
2. IASB, 2009a. International financial reporting standards for small and medium - sized entities (IFRS for SMEs). Available at: <http://ifrs.iasb.org/ifrs/sme/en/IFRSforSMEs2009.pdf>. [Accessed 12 December 2018].
3. IASB, 2009b. Basis for Conclusion on International financial reporting standards for small and medium - sized entities. Available at: [http://www.icparwanda.com/download\\_dir/IFRSforSMEsBasisforConclusion.pdf](http://www.icparwanda.com/download_dir/IFRSforSMEsBasisforConclusion.pdf). [Accessed 12 December 2018].

4. IASB, 2009. IASB publishes IFRS for SMEs. Available at: <http://www.ifrs.org/news/press-releases/Pages/iasb-publishes-ifrs-for-smes.aspx>. [Accessed 12 December 2018].
5. Mai Ngọc Anh, 2011. Chuẩn mực kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo thông lệ quốc tế và định hướng vận dụng ở Việt Nam. Tạp chí kiểm toán, số 2, năm 2011.
6. Nguyễn Vũ Việt & Mai Ngọc Anh, 2010. Chuẩn mực kế toán áp dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: Kinh nghiệm quốc tế và vận dụng ở Việt Nam. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp học viện. Học viện Tài chính.
7. Trần Đình Khôi Nguyên, 2011. Các nhân tố ảnh hưởng vận dụng chuẩn mực kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Đà Nẵng. Tạp chí Phát triển kinh tế. Số 252, tháng 10/2011.
8. Trần Việt Hùng, 2014. Những thuận lợi, khó khăn để chuẩn mực kế toán Việt Nam hội tụ chuẩn mực kế toán quốc tế. Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.